



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2021

BẢN TIN SỐ 1287

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Ngày 15/01/2021 đến ngày 21/01/2021)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	15-01	18-01	19-01	20-01
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	526 - 530	526 - 530	526 - 530	527 - 531
	5% tấm	516 - 520	516 - 520	516 - 520	517 - 521
	25% tấm	496 - 500	496 - 500	496 - 500	496 - 500
	Hom Mali 92%	835 - 839	835 - 839	835 - 839	836 - 840
	Gạo đỏ 100% Stxd	520 - 524	520 - 524	520 - 524	520 - 524
	A1 Super	448 - 452	448 - 452	448 - 452	450 - 454
VIỆT NAM	5% tấm	523 - 527	523 - 527	523 - 527	523 - 527
	25% tấm	493 - 497	493 - 497	498 - 502	498 - 502
	Jasmine	608 - 612	608 - 612	608 - 612	608 - 612
	100% tấm	438 - 442	438 - 442	438 - 442	438 - 442
ẤN ĐỘ	5% tấm	388 - 392	388 - 392	388 - 392	388 - 392
	25% tấm	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352
	Gạo đỏ 5% Stxd	383 - 387	383 - 387	383 - 387	383 - 387
	100% tấm Stxd	280 - 284	280 - 284	280 - 284	280 - 284
PAKISTAN	5% tấm	453 - 457	453 - 457	463 - 467	463 - 467
	25% tấm	403 - 407	403 - 407	413 - 417	413 - 417
	100% tấm Stxd	363 - 367	363 - 367	368 - 372	368 - 372
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	453 - 457	453 - 457	453 - 457	453 - 457
MỸ	4% tấm	583 - 587	583 - 587	583 - 587	586 - 587
	15% tấm (Sacked)	558 - 562	558 - 562	558 - 562	561 - 565
	Gạo đỏ 4% tấm	596 - 600	596 - 600	596 - 600	596 - 600
	Calrose 4%	860 - 864	860 - 864	860 - 864	843 - 847

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

Trung Quốc:

*** Kết hoạch trồng lúa trên đất mặn kiềm:**

Ngày 15/01/2021

(Nguồn: Xinhua)

Theo thông báo tại một hội nghị về lúa đất mặn-kiềm được tổ chức tại thành phố Tam Á, tỉnh Hải Nam, miền nam Trung Quốc. Nước này có khoảng 100 triệu ha đất mặn-kiềm, trong đó khoảng 1/5 có thể được cải tạo thành đất canh tác.

Tại hội nghị, nhóm nghiên cứu của nhà nông học nổi tiếng Yuan Longping đã phát triển thành công các giống lúa chịu mặn - kiềm vào năm 2017, với năng suất trung bình cao nhất được ghi nhận ở tỉnh Giang Tô là trên 800kg/mu (tương đương khoảng 12 tấn/ha). Bên cạnh việc lên kế hoạch trồng lúa chịu mặn-kiềm nhằm chuyển đổi 6,7 triệu ha đất nhiễm mặn-kiềm ở Trung Quốc trong vòng 8 đến 10 năm tới, nhóm đã ký hợp đồng cải tạo 400.000 ha đất mặn-kiềm ở Trung Quốc.

*** Sản lượng ngũ cốc 2020 lập kỷ lục mới:**

Ngày 18/01/2021

(Nguồn: Globaltimes.net)

Theo dữ liệu do Cục Thống kê Quốc gia, Sản lượng ngũ cốc của Trung Quốc lập kỷ lục mới vào năm 2020 với mức tăng trưởng năm là 0,9% bất chấp các tác động liên quan đến virus corona đối với nền kinh tế chung.

Theo dữ liệu của NBS, Trung Quốc sản xuất 669,49 triệu tấn ngũ cốc, tăng 5,65 triệu tấn, tương đương 0,9% so với năm 2019. Sản lượng lúa mì cũng tăng 0,5%, sản lượng đậu tương tăng 8,3% và sản lượng gạo tăng 1,1%. Sản lượng thịt cũng phục hồi với tốc độ tương đối nhanh, với sản lượng thịt bò tăng 0,8% lên 6,72 triệu tấn, trong khi sản lượng thịt cừu tăng 1% lên 4,92 triệu tấn. Sản lượng thịt lợn giảm 3,3% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 41,13 triệu tấn vào năm 2020. Tuy nhiên, số lượng lợn hơi và lợn nái có thể sẽ tăng lần lượt 31% và 35,1% vào cuối năm 2020 so với cùng kỳ trong năm trước.

Nhật Bản:

*** Công bố Đấu thầu quốc tế:**

Ngày 19/01/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp (MAFF), Nhật Bản tổ chức đấu thầu quốc tế từ ngày 22/01/2021, nhằm mua khoảng 78.000 tấn gạo. Gạo trúng thầu sẽ được giao từ ngày 01/04/2021 đến 10/06/2021. Buổi đấu thầu được diễn ra vào lúc 1:15 chiều và 2:00 chiều theo giờ Nhật Bản.

Thông báo mời thầu có thể được tìm thấy tại:
https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_announce/attach/pdf/index-316.pdf

*** Công bố Đấu thầu SBS lần thứ Năm:**

Ngày 19/01/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp (MAFF), Nhật Bản tổ chức đấu thầu mua và bán đồng thời (SBS) vào ngày 27/01/2021 nhằm mua khoảng 5.405 tấn gạo, buổi đấu thầu được diễn ra vào lúc 11:00 sáng và 12:00 chiều theo giờ Nhật Bản.

Đây là gói thầu nhập khẩu SBS lần thứ năm do Nhật Bản phát hành trong năm tài chính 2021 (04/2020 - 03/2021).

Thông báo mời thầu có thể được tìm thấy tại:

https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_announce/attach/pdf/index-314.pdf

*** Công bố Đấu thầu SBS lần thứ Sáu:**

Ngày 19/01/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo khác trên trang web của Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp (MAFF), Nhật Bản tổ chức đấu thầu mua và bán đồng thời (SBS) vào ngày 29/01/2021 nhằm mua khoảng 30.000 tấn gạo, buổi đấu thầu được diễn ra vào lúc 11:00 sáng và 12:00 chiều theo giờ Nhật Bản.

Đây là gói thầu nhập khẩu SBS lần thứ sáu do Nhật Bản phát hành trong năm tài chính 2021 (04/2020 - 03/2021).

Thông báo mời thầu có thể được tìm thấy tại:

https://www.maff.go.jp/j/seisan/boueki/nyusatu/n_announce/attach/pdf/index-315.pdf

Philippines:

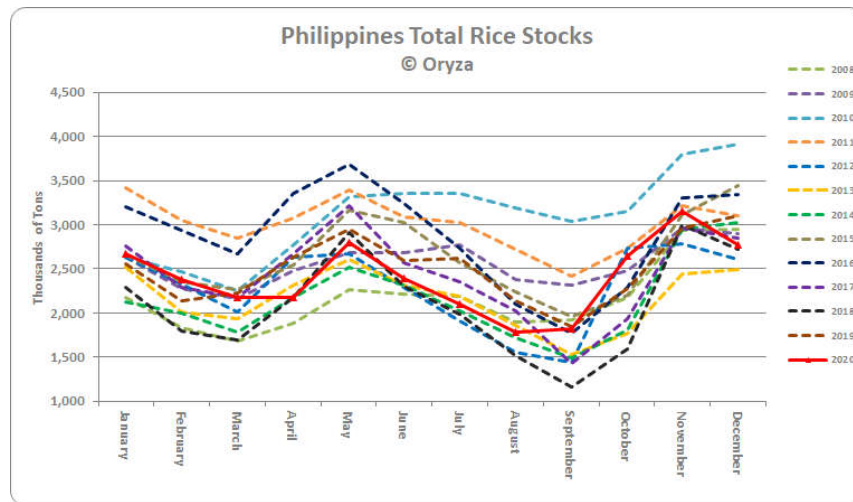
*** Dự trữ gạo:**

Ngày 19/01/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông cáo của Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), dự trữ gạo của nước này tính đến ngày 01/12/2020 ở mức khoảng 2,766 triệu tấn, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm 12,4% so với tháng trước.

Dự trữ tại các kho của Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) đạt khoảng 352.000 tấn, giảm 27% so với cùng kỳ. Trong khi, tồn kho thương mại đạt khoảng 794.000 tấn, giảm 21%, dự trữ của các hộ gia đình ước tính đạt khoảng 1,618 triệu tấn, tăng chưa đến 1%.



Benin:

*** Dự báo của FAO:**

Ngày 21/01/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) dự báo sản lượng lúa năm 2020 của Benin là 379.000 tấn, giảm khoảng 3,6% so với ước tính 393.000 tấn năm 2019. Vụ lúa được tưới bằng nước mưa đã kết thúc thu hoạch vào tháng 09/2020. Việc thu hoạch lúa được tưới bằng nguồn thủy lợi đang được tiến hành và sẽ hoàn thành vào cuối tháng 01/2021.

FAO dự báo tổng nhập khẩu ngũ cốc (bao gồm cả gạo) của Benin năm 2020/21 ước tính đạt 520.000 tấn, cao hơn gấp đôi so với năm trước và cao hơn khoảng 30% so với mức trung bình. Sự gia tăng nhập khẩu ngũ cốc được cho là do việc mở lại biên giới với Nigeria vào cuối tháng 12/2020. Các thương nhân đang muốn bổ sung lượng dự trữ đang ở mức thấp nhất trong hai năm qua.

Giá gạo nhập khẩu vẫn ổn định trong tháng 10/2020 do nguồn cung từ thị trường quốc tế vẫn duy trì ổn định, với giá thấp hơn so với năm trước.

<http://www.fao.org/giews/countrybrief/country/BEN/pdf/BEN.pdf>

Bờ Biển Ngà:

*** Dự báo của FAO:**

Ngày 21/01/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) dự báo sản lượng lúa năm 2020 của Bờ Biển Ngà là 1,6 triệu tấn, giảm khoảng 15% so với ước tính 1,88 triệu tấn năm 2019.

Mặc dù chính phủ hỗ trợ liên tục trong việc cung cấp miễn phí/ trợ cấp giống và công cụ và lượng mưa được phân phối kịp thời và đúng theo dự báo, tuy nhiên sản lượng thu hoạch lúa được tưới bằng nước mưa kết thúc

vào tháng 12/2020 vẫn sụt giảm. Sự sụt giảm được cho là do diện tích trồng giảm do các hạn chế liên quan đến COVID-19.

Cơ quan này dự báo tổng nhập khẩu ngũ cốc (bao gồm cả gạo) của Bờ Biển Ngà năm thị trường 2020/21 ở mức trên trung bình là 2 triệu tấn do các thương nhân địa phương đang nhắm đến việc bổ sung dự trữ của họ.

Giá gạo vẫn ổn định trong tháng 10/2020 do nguồn cung trong nước và nguồn nhập khẩu sẵn có.

<http://www.fao.org/giews/countrybrief/country/CIV/pdf/CIV.pdf>

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan, tiếp tục yên ắng, giá chào nhìn chung vẫn được duy trì ở mức cao dù đồng baht Thái tuần qua giảm nhẹ, đặc biệt đối với mặt hàng gạo trắng và gạo đỏ. Các thương nhân hiện đang tập trung giao các đơn hàng đi Nhật và Philippines. Thái Lan dự báo vẫn là nguồn cung ưu thế trong các đợt thầu quốc tế năm 2021 của Hàn Quốc và Nhật Bản. Phân khúc gạo thơm tiếp tục ổn định với đồng baht Thái là nhân tố duy nhất có ảnh hưởng đến. Trong khi đó, nhu cầu từ Senegal tiếp tục hỗ trợ cho mặt hàng gạo tấm trắng của nguồn cung này.

Ấn Độ, tiếp tục là nguồn cung cạnh tranh nhất trên thị trường thương mại gạo thế giới. Tuy nhiên, tình trạng ùn tắc tại các cảng hiện vẫn chưa có tín hiệu cải thiện và các thương nhân trở nên thận trọng hơn với các thỏa thuận mới. Dịch bệnh Covid-19 là nguyên nhân chính làm năng suất khai thác tại các cảng lớn của Ấn Độ thấp hơn 9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trung Quốc và châu Phi tiếp tục hỗ trợ cho mặt hàng gạo tấm của nguồn cung này trong khi phân khúc gạo đỏ vẫn đang đón nhận nhu cầu từ châu Phi. Riêng thị trường gạo Basmati khá yên ắng do các khách hàng khu vực Trung Đông hiện chỉ giao dịch với số lượng nhỏ. Người trồng lúa Ấn Độ đang nỗ lực đấu tranh cho những chính sách sắp ban hành, do đó nguồn cung lúa cũng bị hạn chế và giá lúa gạo nội địa được duy trì ổn định theo.

Pakistan, giá lúa gạo trong nước tăng do nhu cầu mua vào tồn kho cũng như các thương nhân đang tập trung giao hàng cho Trung Quốc. Bên cạnh đó, 50.000 ngàn tấn gạo trắng 5% tấm sẽ được hoàn tất cho khách hàng Bernas – Malaysia vào cuối tháng 2/2021 cũng góp phần hỗ trợ tâm lý cho nguồn cung này. Tuy nhiên, giá chào gạo xuất khẩu tăng khiến người mua thận trọng hơn trong việc ký kết các giao dịch mới. Nhu cầu Trung Quốc tiếp tục hỗ trợ phân khúc gạo tấm trắng, trong khi gạo đỏ khá yên ắng do các thương nhân ưu tiên nguồn nguyên liệu cho chế biến gạo trắng. Phân khúc gạo basmati nhìn chung ổn định nhờ nhu cầu trong nước cũng như nhập khẩu của các khách hàng truyền thống. **Miến Điện**, tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ nhu cầu biên mậu thường xuyên của Trung Quốc đối với mặt hàng gạo

trắng và tấm trắng, cũng như nhu cầu nhập khẩu gạo thơm từ châu Âu. Tuy nhiên, thị trường không ghi nhận nhiều giao dịch mới do giá chào biến động mạnh và nguồn container rộng rất hạn chế. Dự báo trong thời gian tới giá sẽ tiếp tục khuynh hướng tăng do sản lượng lúa gạo năm 2020 thấp trong khi nhu cầu lại sôi động.

Chính phủ Bangladesh đang thảo luận với chính phủ Miến Điện về khả năng nhập khẩu 100.000 tấn gạo qua đường biển. Nếu thỏa thuận này thành công thì đây sẽ là đợt nhập khẩu ngoài nguồn cung Ấn Độ đầu tiên của chính phủ Bangladesh, kể từ thời điểm tháng 11/2020. Tuy nhiên, nhiều thương nhân nghi ngại về khả năng thành công của thỏa thuận này do khoảng cách chênh lệch giá chào khá lớn hiện nay giữa Miến Điện và Ấn Độ.

Campuchia, không ghi nhận nhiều giao dịch mới trong tuần qua do giá cước container đi khu vực châu Âu hiện ở mức rất cao dù nhu cầu đang sôi động. Sản lượng gạo thơm và gạo trắng đều dưới mức kỳ vọng, đẩy giá chào tăng cao. Trong khi đó, các cánh đồng gieo sạ lại sau lũ lụt phải đến 1-2 tháng nữa mới bước vào thu hoạch. Tuy nhiên, thời tiết bất lợi một lần nữa cũng có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng vụ này.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	Ngày 15/01	Ngày 18/01	Ngày 19/01	Ngày 20/01	Ngày 21/01
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,47	6,48	6,49	6,46	6,46
Euro (USD/Euro)	1,21	1,21	1,21	1,22	1,21
Rupiah Indonesia (IDR)	14.030,67	14.074,36	14.066,97	14.052,97	14.006,91
Rupee Ấn Độ (INR)	73,14	73,17	73,26	73,17	72,97
Yen Nhật Bản (JPY)	103,68	103,76	103,99	103,74	103,45
Philippines Peso (PHP)	48,07	48,06	48,07	48,04	48,07
Pakistan Rupees (PKR)	160,60	160,63	160,71	160,65	160,75
Baht Thái Lan (THB)	30,04	30,07	30,05	29,98	29,93
Vietnamese Dong (VND)	23.032,16	23.075,09	23.041,54	23.160,01	23.140,65

(Nguồn: www.xe.com)

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 21/01/2020, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Đông Xuân 2020 – 2021

đã xuống giống được 1,420 ha/1,550 triệu ha diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được 170 ngàn ha với năng suất khoảng 4,65 tấn/ha.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần (từ ngày 16.01 đến 22.01.2020):

(Nguồn www.ppd.gov.vn, Theo Cục BVTV)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

*** Trên cây lúa**

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 2.824 ha (giảm 590 ha so với kỳ trước, giảm 3.453 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 1.634 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam như Bạc Liêu, Đồng Tháp, Long An, Hậu Giang, Tiền Giang, Sóc Trăng,...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 4.908 ha (tăng 1.535 ha so với kỳ trước, tăng 1.566 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 2.348 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Đồng Tháp, Bạc Liêu, An Giang, Sóc Trăng, Long An, Kiên Giang, Gia Lai, Đắk Lắk.

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 897 ha (giảm 103 ha so với kỳ trước, tăng 98 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 296 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Sóc Trăng, Long An, Bạc Liêu, Hậu Giang, Bình Thuận, Khánh Hòa, Gia Lai, Ninh Thuận.

- **Sâu năn (muỗi hành):** Diện tích nhiễm 4.283 ha (tăng 1.550 ha so với tuần trước), tỷ lệ hại phổ biến 10-20%. Muỗi hành xuất hiện gây hại tại các tỉnh Long An (3.809 ha), Sóc Trăng (225 ha), Đồng Tháp (122 ha), Tiền Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang.

- Bệnh đạo ôn:

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 22.068 ha (tăng 3.378 ha so với kỳ trước, tăng 16.455 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 52.043 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, Long An, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, An Giang, Bình Thuận, Bình Định, Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng.

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 4.851 ha (tăng 794 ha so với kỳ trước, tăng 3.997 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 9.998 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Kiên Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Bình Thuận.

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 7.440 ha (tăng 458 ha so với kỳ trước, tăng 6.219 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 4.884 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long.

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 5.320 ha (tăng 1.448 ha so với kỳ trước, giảm 18.354 so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 3.494 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh phía Nam như Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang.

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 6.271 ha (tăng 136 ha so với kỳ trước, tăng 1.852 ha so với CKNT), diện tích nặng 40 ha, diện tích phòng trừ trong kỳ

5.543 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh An Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp,....

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 6.984 ha (tăng 1.184 ha so với kỳ trước, tăng 1.008 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 5.478 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Bạc Liêu, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Nam, Phú Yên, Điện Biên,...

2.2. Dự báo sâu bệnh:

* Trên cây lúa

a) Các tỉnh Bắc Bộ

- Trên mạ chiêm xuân sớm: Các đối tượng sâu bệnh như *sâu đục thân 2 chấm, rầy các loại, bọ trĩ*,... hại nhẹ.

- Trên Lúa: có một số đối tượng chính như *bệnh nghệt rễ, ốc bươu vàng, chuột*,... hại cục bộ.

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ

Chuột, ốc bươu vàng,... có khả năng phát sinh gây hại tăng; *bệnh đạo ôn, ruồi đục nõn, tuyến trùng, rệp muội*,... phát sinh gây hại với mức độ nhẹ.

Ngoài ra điều kiện thời tiết thời gian tới: trời rét đậm, rét hại kết hợp ẩm độ thấp, hanh khô sẽ gây hiện tượng trắng lá trên mạ, lúa gieo, gây chết mạ/lúa cục bộ một số vùng, đặc biệt trên những diện tích không được che phủ nilon, không đủ độ ẩm.

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên:

- *Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân 2 chấm, bệnh đạo ôn lá*....phát sinh và gây hại ở mức nhẹ - trung bình trên trà lúa Đông Xuân sớm giai đoạn đứng cái - làm đòng;

- *Bọ trĩ, sâu cuốn lá nhỏ, ruồi đục nõn, sâu cuốn lá nhỏ, sâu keo*,...hại rải rác trên lúa Đông Xuân giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

- *Chuột*: tiếp tục phát sinh và gây hại trên các trà lúa; gây hại mạnh trên giống gieo và lúa Đông Xuân giai đoạn đẻ nhánh.

- *Ốc bươu vàng*: Tiếp tục lây lan theo nguồn nước và gây hại nặng cục bộ trên lúa Đông Xuân giai đoạn sạ - mạ.

d) Các tỉnh Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long:

- *Rầy nâu*: phát sinh và gây hại tăng, gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng.

- *Bệnh đạo ôn, bạc lá vi khuẩn và lem lép hạt*,... tiếp tục phát sinh, phát triển và có khả năng phát triển mạnh ra diện rộng do điều kiện thời tiết thuận lợi, đặc biệt trên các giống nhiễm, sạ dày, bón thừa đạm. Chú ý: trên những ruộng trồng giống nhiễm có thể tiến hành phun ngừa bệnh đạo ôn cổ bông và lem lép hạt hai lần khi lúa bắt đầu trổ lác đác và lần 2 khi lúa trổ đều.

- *Sâu năn (muỗi hành)*: tiếp tục phát sinh và gây hại tăng trên lúa Đông Xuân giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng. Chú ý: các địa phương thường xuất hiện sâu năn (muỗi hành) gây hại mạnh hàng năm như Long An, Sóc Trăng,

Đồng Tháp, Tiền Giang, ... cần hướng dẫn nông dân bón phân cân đối, không bón thừa phân đạm và sử dụng chất kích thích sinh trưởng ở giai đoạn mạ đến đẻ nhánh; tăng cường bón lân, kali; bổ sung thêm phân có hàm lượng canxi, magiê, silic giúp cây khỏe tăng sức chống chịu.

Ngoài ra, lưu ý: (i) Phòng ngừa tốt đối với *ốc bươu vàng* đặc biệt đối với lúa mới sạ <15 ngày và những ruộng trũng, khó thoát nước (ii) Khuyến cáo áp dụng các biện pháp diệt *chuột* mang tính cộng đồng, trên diện rộng, ưu tiên các biện pháp cơ học, các loại bả mồi sinh học; thu gom xác chuột, bả mồi để giảm ô nhiễm môi trường; tuyệt đối không sử dụng điện diệt chuột để tránh gây nguy hiểm cho con người và các động vật có ích khác.

(Nguồn Cục BVTV, www.ppd.gov.vn)

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:

Theo số liệu tổng hợp, xuất khẩu từ 15 ngày đầu tháng 1/2021 đạt 130.780 tấn, trị giá 71,705 triệu USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 44,4% và về trị giá giảm 37,8%.

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Trong cuối tháng 12/2020 có 14 tàu vào xếp hàng tại các cảng với tổng lượng còn phải xếp sang tháng 1/2021 khoảng 127.150 gạo các loại tấn. Từ ngày 01/01 – 21/01/2021, có 16 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 95.700 tấn gạo các loại (trong đó, 14 tàu cảng Hồ Chí Minh và 02 tàu cảng Mỹ Thới).

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Hòa Bình 45	HCM	17/12/20	4.000	Philippines
2	Agro I	HCM	19/12/20	30.500	Cuba
3	Royal 18	HCM	24/12/20	5.000	Philippines
4	Lan Hạ	HCM	25/12/20	9.500	Hàn Quốc
5	Leap Heart	HCM	28/12/20	13.500	Châu Phi
6	Hải Hà 388	Mỹ Thới	29/12/20	3.750	Philippines
7	J Bela	Mỹ Thới	29/12/20	1.300	Philippines
8	Royal 16	Mỹ Thới	29/12/20	5.000	Philippines
9	Samurai Indad	Mỹ Thới	29/12/20	1.500	Malaysia
10	Đức Đạt 666	HCM	30/12/20	6.200	Philippines
11	Hòa Bình 09	HCM	30/12/20	6.200	Philippines
12	Clipper Copenhagen	HCM	31/12/20	30.500	Cuba
13	Giang Hải	Mỹ Thới	31/12/20	4.200	Philippines
14	Vân Đồn OAK	HCM	31/12/20	6.000	Philippines

- Bản Tin 1287 (Từ Ngày 15/01/2021 Đến Ngày 21/01/2021) -

15	Royal 27	HCM	01/01/21	11.800	Philippines
16	Ocean 19	HCM	04/01/21	6.200	Philippines
17	Sky Forture	HCM	04/01/21	5.000	Malaysia
18	Hà Đông	Mỹ Thới	07/01/21	3.900	Philippines
19	TLC 01	HCM	09/01/21	6.000	Philippines
20	Hải Phương 619	HCM	10/01/21	4.500	Philippines
21	Việt Hải Star	HCM	10/01/21	4.500	Philippines
22	HKT Venus	HCM	12/01/21	3.800	Philippines
23	Hòa Bình 54	HCM	13/01/21	4.800	Philippines
24	Serena R	HCM	13/01/21	15.000	Châu Phi
25	Trường Lộc 16	HCM	13/01/21	4.900	Philippines
26	Vĩnh Phúc 168	Mỹ Thới	15/01/21	2.900	Philippines
27	Quang Minh 29	HCM	17/01/21	6.400	Philippines
28	New Hope	HCM	18/01/21	6.000	Philippines
29	Quang Minh 5	HCM	19/01/21	4.000	Philippines
30	Mỹ Hưng	HCM	19/01/21	6.000	Philippines
Tổng				222.850	



IV. GIÁ LÚA GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	21/01	+/-	21/01	+/-	21/01	+/-	21/01	+/-	21/01	+/-	21/01	+/-	21/01	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	7.150	-			6.250	-500	6.850	-	7.050	-			7.100	-100	7.150	6.880
Lúa thường	7.050	-			6.225	-425	6.750	-	6.950	-	6.850	-	6.950	-	7.050	6.796
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	8.350	-	7.950	+100	7.700	-550			7.300	-			8.100	-100	8.350	7.880
Lúa thường	8.250	-	7.650	+100	7.425	-475			7.200	-			7.950	-	8.250	7.695
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	10.950	-100	10.450	+200	10.575	+125			10.550	+200			10.700	-	10.950	10.645
Lứt loại 2	10.450	+200	10.250	+250	10.250	+175			10.225	+100	10.050	-	10.200	+200	10.450	10.238
Xát trắng loại 1			11.550	-			11.650	-300	11.750	+300			12.000	-100	12.000	11.738
Xát trắng loại 2			11.350	+100			11.350	-200	11.150	+50	11.600	-	11.400	-	11.600	11.370
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	9.650	+100	9.250	+100	9.950	-	9.350	-	9.300	+50	9.850	-	10.100	-	10.100	9.636
Tấm 2/3			8.550	+200	9.300	-			8.350	-			8.300	-	9.300	8.625
Tấm 3/4	8.150	-	8.150	-	8.350	-	7.950	+200							8.350	8.150
Cám xát	7.150	+200	6.950	-	7.050	+100	6.950	+200	7.250	+300	6.750	-	7.250	+200	7.250	7.050
Cám lau	7.150	+200	6.950	-	7.050	+100	6.950	+200	7.250	+300	6.750	-	7.250	+200	7.250	7.050
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	11.350	-200	11.850	+200	11.550	+200	11.750	-200	12.450	-	11.750	-	11.500	-	12.450	11.743
10%			11.750	+200					12.400	-					12.400	12.075
15%	11.050	-100	11.650	+200	11.250	+200			12.350	-	11.550	-	11.300	-	12.350	11.525
20%			11.550	+200					12.200	-					12.200	11.875
25%	10.650	-300	11.450	+200	10.950	+200			11.600	-	11.350	-	11.000	-	11.600	11.167
